TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2020/HS-PT
Ngày: 24 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn;

Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ; ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 28/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Lâm Quốc T do có kháng cáo của bị cáo Lâm Quốc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Lâm Quốc T, sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 42/12, khóm B, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T (đã chết) và bà Dương Thị Bạch Y (đã chết); có vợ là Trần Thị T và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Hồ Hoàng P, Luật sư Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn U (Út A), sinh năm 1965; địa chỉ: Số 35/2, khóm A, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

-*Người làm chứng*:

+ Bà Trần Thị T, có mặt.

+ Ông Trần Minh K, có mặt.

+ Ông Trần Minh G, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng P, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng L, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Yến Ph, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh H, có mặt.

+ Bà Mai Thị Huỳnh M, có mặt.

+ Bà Mai Thị Hồng N, có mặt.

+ Ông Huỳnh Văn T, vắng mặt.

(Trong vụ án bị hại không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 03 tháng 10 năm 2018, chị Nguyễn Thị Hồng P phát hiện cây cảnh để trước nhà số 42/12B, khóm T, phường M, thành phố L bị gãy và nghi ngờ Trần Minh K, Trần Minh G và Trần Thị T (là con dì ruột của P) cư ngụ tại nhà số 42/12, khóm B, phường T bẻ nên bà P cùng Bà Mai Thị Hồng N (dì ruột của P, K, G, T) chửi mắng K, G, T và Lâm Quốc T (là chồng của T) dẫn đến đánh nhau giữa bà P, bà N với T, K, G, T. Lúc này, Nguyễn Văn U (chồng của N), Nguyễn Thị Yến Ph, Nguyễn Thị Hồng L (con ruột của N) đến tham gia đánh nhau. P đánh nhau với T. K, G đánh nhau với Ph, N, L. T đánh nhau với ông U. Trong lúc đánh nhau, ông U ngã xuống đất và bị T ngồi đè lên người, dùng tay đánh nhiều cái vào mặt gây thương tích ở mắt trái thì được anh Nguyễn Thanh H (chồng của P), bà Mai Thị Huỳnh M (mẹ của K, G, T) và Huỳnh Văn Th đến can ngăn. Sau đó, ông U được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang cấp cứu, điều trị đến ngày 12/10/2018 ra viện. Ngày 05/10/2018, Ông Nguyễn Văn U có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 53/19/TgT ngày 06/3/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang xác định:

1/ Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sưng nề vùng trán trái không tồn tại.

- Bầm mi, xuất huyết kết mạc mắt trái không tồn tại.

- Chấn thương mắt trái đụng dập nhãn cầu, thị lực mắt phải 4/10, thị lực mắt trái 3/10.

- Xây xát cánh tay trái không tồn tại.

- Xây xát gối phải, xây xát gối trái không tồn tại.

2/ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do từng thương tích gây nên hiện tại là:

Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần:

- Sưng nề vùng trán trái không tồn tại: 00% (không phần trăm).

- Bầm mi, xuất huyết kết mạc mắt trái không tồn tại: 00% (không phần trăm).

- Chấn thương mắt trái đụng dập nhãn cầu, thị lực mắt phải 4/10, thị lực mắt trái 3/10: 11% (mười một phần trăm).

- Xây xát cánh tay trái không tồn tại: 00% (không phần trăm).

- Xây xát gối phải, xây xát gối trái không tồn tại: 00% (không phần trăm).

3/ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 11% (mười một phần trăm).

4/ Kết luận khác: thương tích do vật tày gây nên.

Ngày 11/11/2019, Lâm Quốc T nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L để khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 124/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Lâm Quốc T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 131/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 134, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lâm Quốc T phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Xử phạt: Lâm Quốc T: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lâm Quốc T bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Ông Nguyễn Văn U với số tiền 21.358.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) do bị cáo giao

nộp theo biên lai thu tiền số 0002823 ngày 11/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L để đảm bảo thi hành án đối với phần bồi thường cho bị hại.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2019, bị cáo Lâm Quốc T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lâm Quốc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo thừa nhận vào khoảng 17 giờ ngày 03/10/2018 gia đình của bị cáo có cãi nhau với bà Nguyễn Thị Hồng P, sau đó xảy ra xô xát và đánh nhau, P đánh nhau với T; K, G đánh nhau với Ph, N, L còn bị cáo đánh nhau với ông U. Trong lúc đánh nhau thì bị cáo bị ngã nằm ngửa xuống bậc thềm nhà và bị ông U đè lên người, bị cáo dùng tay đánh nhiều cái từ dưới lên vào vùng mặt của ông U gây thương tích cho mắt trái của ông U. Thương tích của ông U là do chính bị cáo gây ra, ngoài bị cáo không còn ai tham gia đánh ông U, bị cáo cũng không đánh ai ngoài ông U. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, vợ đang mang thai được gần 7 tháng, sau khi xử sơ thẩm đã nộp khắc phục hậu quả hết cho bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại Nguyễn Văn U: Bản án sơ thẩm xử bị cáo T 6 tháng tù, bồi thường cho ông 21.358.000đồng là thỏa đáng, không có ý kiến về phần hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm

- Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt gây thương tích cho mắt trái của bị hại. Lời khai của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận bị cáo T có hành vi dùng tay đánh bị hại gây thương tích 11%, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trong thời gian xét xử sơ thẩm bị cáo nộp 10.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại và sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục nộp 11.358.000 đồng để khắc phục thiệt hại cho bị hại theo bản án sơ thẩm cho thấy bị cáo thật sự ăn năn hối cải, thái độ chấp hành pháp luật tốt. Hiện nay con bị cáo còn nhỏ, vợ đang mang thai, có nghề nghiệp ổn định, là lao động chính trong gia đình, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo răn đe và giáo dục bị cáo, do đó kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T 6 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị cáo hiện nay có nghề nghiệp ổn định, là lao động chính trong gia đình, tại địa phương chấp hành tốt các quy định pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, vợ bị cáo đang mang thai, con còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Lâm Quốc T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Yến Ph, Huỳnh Văn T, nhưng trước đó họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo khai khi xô xát với ông U thì bị cáo bị ngã nằm ngửa, ông U đè lên người bị cáo, còn ông U khai ông bị T đánh ngã, nằm ngửa dưới hiên nhà, bị cáo đè lên người của ông, lời khai của ông U và bị cáo chưa thống nhất. Tuy nhiên bị cáo cũng thừa nhận chính bị cáo đã dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt gây thương tích cho mắt trái của ông U, tỷ lệ giám định thương tật là 11%. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ như: Giấy chứng nhận thương tích số 307/18/CNKHTH ngày 12/10/2018 của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang xác định tình trạng của ông U lúc vào viện được chẩn đoán mắt trái chấn thương đụng dập nhãn cầu + chấn thương đầu mặt do đả thương, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 53/19/TgT ngày

06/3/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang xác định thương tích của ông U là 11% và còn phù hợp với nhiều chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở khẳng định bị cáo T đã có hành vi dùng tay đánh vào vùng mắt của ông U gây thương tích với tỷ lệ 11%, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả đã gây ra. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo T phạm tội cố ý gây thương tích theo điều khoản nêu trên của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 6 tháng tù là có căn cứ đúng người, đúng pháp luật và phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo T về việc yêu cầu xin được hưởng án treo:

Bị cáo T là người trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc gì nên làm, việc gì không nên làm. Giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ là cháu vợ và dượng rể, bị cáo phải tôn trọng bị hại, nhưng chỉ vì mâu thuẫn giữa hai gia đình, trong lúc cãi nhau khi bị hại vào can ngăn đáng lẽ bị cáo phải lắng nghe, không tham gia đánh nhau nữa, nhưng vì muốn bênh vực gia đình bị cáo đã đánh và gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tích là 11%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất trật tự an ninh tại địa Ph.

Cấp sơ thẩm đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Ngoài ra bị cáo còn có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đã xử phạt bị cáo mức án 6 tháng tù là có căn cứ.

Theo bản án sơ thẩm thì bị cáo T phải bồi thường cho bị hại số tiền 21.358.000 đồng, bị cáo đã nộp khắc phục tại giai đoạn sơ thẩm 10.000.000 đồng. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo T tiếp tục nôp thêm 11.358.000 đồng theo biên lai thu số 0005969 ngày 07/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang để khắc phục hậu quả cho người bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Việc bị cáo nộp khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại thể hiện thiện chí và thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo đối với hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra. Hơn nữa hiện nay bị cáo còn là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, vợ bị cáo là Trần Thị T đang mang thai rất cần sự chăm sóc của bị cáo, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương, đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thì bị cáo T có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của bị cáo, ý kiến của luật sư bào chữa của bị cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, xử phạt bị cáo T 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 24/02/2020). Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự: Không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề cập. Tuy nhiên bị cáo có bồi thường thêm cho bị hại số tiền 11.358.000 đồng nên cần tiếp tục quản lý số tiền 11.358.000 đồng do bị cáo nộp để đảm bảo cho giai đoạn thi hành án.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Quốc T về việc yêu cầu được hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L về phần hình phạt đối với bị cáo Lâm Quốc T.

Căn cứ khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lâm Quốc T phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Xử phạt: Bị cáo Lâm Quốc T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 24/02/2020).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.358.000 đồng do bị cáo nộp theo biên lai thu số 0005969 ngày 07/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án đối với phần trách nhiệm dân sự cho bị hại Nguyễn Văn U.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lâm Quốc T không phải chịu.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND TP Long Xuyên (2);
- Công an TP Long Xuyên (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP Long Xuyên (1);
- UBND phường Mỹ Thạnh (1);
- Bị cáo (1);
- Người bào chữa (1);
- Bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 27 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng